

Bản án số: 1157/2024/HC-PT
Ngày 24 tháng 10 năm 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 676/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3016/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Trịnh Ngọc B, sinh năm 1958; địa chỉ: 4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Hữu N, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

2. **Người bị kiện:**

2.1. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: A Quốc lộ E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L: Ông Trần Kim P - Phó chủ tịch UBND huyện L; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L:

- Ông Phan Thanh L – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L; có mặt.

- Ông Mạch Văn L1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L; vắng mặt.

- Ông Bùi Minh Đ – Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L; có mặt.

- Ông Trang Tử Tự T – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L; có mặt.

- Ông Nguyễn Thành V – Chủ tịch UBND thị trấn L; vắng mặt.

2.3. Chủ tịch UBND tỉnh B; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1961; địa chỉ: 43/321/ô1 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

Người kháng cáo: UBND huyện L là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Trịnh Ngọc B trình bày:

Năm 1982, sau khi đi bộ đội từ chiến trường K về địa phương ông được tuyển dụng vào làm bảo vệ tại Công ty cấp 3 của huyện L. Ông ở tại chòi tạm của Công ty cấp 3, thấy đất phía trước chòi còn trống ông B khai hoang và đưa vợ con về dựng tạm nhà trên cơ sở chòi tạm của Công ty cấp 3 để ở. Đến năm 1994, Công ty cấp 3 giải thể, ông đập bỏ chòi tạm xây nhà mới rộng hơn. Năm 2006, nhà của ông bị bão đánh sập, được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương 8.000.000 đồng gia đình ông có xây lại căn nhà cấp 4 để ở và buôn bán, không có ai tranh chấp. Tại thời điểm gia đình ông xây lại nhà cấp 4 năm 2006 chính quyền địa phương không có ý kiến gì, mãi đến ngày 21/10/2008, địa phương có lập biên bản vi phạm về việc tự ý dựng hàng rào và trồng cây trên đất Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, sau khi lập biên bản vi phạm gia đình ông cũng không thấy ai nói gì nữa. Năm 2016, do nhu cầu con cái lớn (03 con sinh năm 1982, 1984, 1985) không có chỗ ở nào khác ngoài khu đất này, diện tích nhà cũ không đủ nên gia đình ông có xây dựng, coi nói thêm diện tích (6m x 22m). Ngày 18/5/2016, địa phương có xuống lập Biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm, gia đình ông đã ngừng thi công xây dựng.

Ngày 28/7/2020, UBND huyện L ban hành Quyết định số 2022/QĐ-UBND thu hồi 386,1m² đất công cộng do UBND thị trấn L quản lý (ông Trịnh Ngọc B và bà Huỳnh Thị L2 đang sử dụng) thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 165 thị trấn L, để đầu tư xây dựng đường quy hoạch số 14, thị trấn L; và Quyết định 2074/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Trịnh Ngọc B. Theo Quyết định này không bồi thường về đất với lý do “*đất do Nhà nước quản lý*”, không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc với lý do “*Xây dựng trên đất Nhà nước*”, không hỗ trợ tái định cư. Gia đình ông bị giải tỏa trắng, không còn chỗ ở

nào khác. Sau khi giải tỏa, diện tích đất còn lại khoảng hơn 100m² nhưng chính quyền địa phương không cho cất nhà, hiện nay gia đình ông phải đi ở nhà thuê gặp rất nhiều khó khăn.

Không đồng ý với Quyết định 2074/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư ông B, bà L2 khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện L. Ngày 30/9/2020, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND, theo đó, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông B, bà L2, giữ nguyên Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông B, bà L2.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L. Ngày 16/10/2020 và ngày 15/12/2022 ông B tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 03/01/2024, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND. Theo đó công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông B về yêu cầu: *Xem xét bồi thường về đất, xem xét bồi thường về nhà và vật kiến trúc; xem xét giao một lô đất tái định cư.*

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B, ông B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, của Chủ tịch UBND tỉnh B; một phần Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L, cụ thể: Tại Điều 1 (thiệt hại về đất) và Khoản 2 (nhà – vật kiến trúc); Mục B (tái định cư); toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L; buộc UBND huyện L thực hiện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông, cụ thể như sau: bồi thường 386,1m² đất, trong đó có 300m² đất ở; bồi thường nhà, vật kiến trúc; hỗ trợ các khoản theo quy định; bồi thường đất ở/giao đất ở theo quy định.

Với lý do: UBND huyện L không chứng minh được nguồn gốc đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho Công ty T1 (Công ty cấp 3) sử dụng, không có hồ sơ tài liệu Công ty thương nghiệp bàn giao cho UBND thị trấn L quản lý thửa đất gia đình ông đang sử dụng. Tại Báo cáo số 468/BC-TTr.NV4 ngày 22/12/2021 của Thanh tra tỉnh đã khẳng định: *“diện tích 386,1m² đất gia đình ông B đang sử dụng, hiện nay không có hồ sơ, tài liệu nào chứng minh thời điểm lập Sổ mục kê đất đai (năm 1997) thì đất này đã được giao cho Công ty Thương nghiệp huyện T1 hoặc tổ chức các nhân nào khác”*. Do đó, việc UBND huyện L cho rằng diện tích đất của gia đình ông đang ở là đất của Công ty Thương nghiệp huyện T1 là hoàn toàn thiếu cơ sở. UBND huyện L cũng không có hồ sơ, tài liệu nào chứng minh đất của gia đình ông đang ở đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho Ban quản lý công trình công cộng hoặc UBND thị trấn L quản lý, sử dụng. Từ năm 1989 khi gia đình ông sử dụng để ở đến khi biến thành đất công, chưa có bất kỳ một quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình ông để chuyển sang mục đích khác. Căn cứ Điều 28 Luật đất đai năm 1993 việc UBND thị trấn L tự ý chuyển mảnh đất của gia đình ông đang ở sang đất công là hoàn toàn trái với quy định của Luật đất đai 1993. UBND huyện L cho rằng 386,1m² đất của gia đình ông đang ở bị thu hồi là đất công do UBND thị trấn L

quản lý là hoàn toàn thiếu cơ sở. Việc này cũng đã được Thanh tra tỉnh nêu ra tại Báo cáo số 468/BC-TTr.NV4 ngày 22/12/2021.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trường hợp đất của gia đình ông sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15/10/1993, năm 2006, do bị bão làm đổ nhà nên UBND hỗ trợ tiền xây dựng lại căn nhà như hiện nay. Kể từ đó đến nay gia đình ông ở không có cơ quan Nhà nước nào xử phạt vi phạm hành chính về việc xây dựng nhà, không có bất kỳ tranh chấp nào với ai. Việc UBND huyện L cho rằng năm 2008, UBND thị trấn L xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông 4.000.000 đồng là không đúng vì gia đình ông không nhận được bất kỳ quyết định xử phạt nào từ trước cho đến khi UBND huyện L thu hồi đất của gia đình ông. Theo quy định của pháp luật thì gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận đất ở và đất nông nghiệp theo hạn mức. Nay bị thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở và đất nông nghiệp theo hạn mức. UBND huyện L thu hồi đất không bồi thường cho gia đình ông là không đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện là UBND huyện L, Chủ tịch UBND huyện L trình bày:

Ngày 28/7/2020, UBND huyện L ban hành Quyết định số 2022/QĐ-UBND thu hồi 386,1m² đất công do UBND thị trấn L quản lý (ông Trịnh Ngọc B và bà Huỳnh Thị L2 đang sử dụng) thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 165, thị trấn L tương ứng với thửa đất thu hồi số 22, 89, 90 tờ bản đồ thu hồi đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh xác nhận ngày 24/8/2018 và Quyết định 2074/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông B. Trong đó, không bồi thường về đất, không bồi thường về nhà, vật kiến trúc, không tái định cư với lý do đất có nguồn gốc Nhà nước quản lý, không có thu hồi đất ở. Việc UBND huyện L ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ cho hộ ông B là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra tại Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh quy định về việc phê duyệt kết quả dự án "Quản lý khai thác quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong đó trên địa bàn thị trấn L, huyện L một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 165 đã được UBND thị trấn L quản lý. Vì vậy, ông B yêu cầu hủy một phần tại Điều 1 Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L liên quan đến thiệt hại về đất, nhà, vật kiến trúc, tái định cư là không có cơ sở.

Không đồng ý với Quyết định số 2074/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ, ông B có đơn khiếu nại. Ngày 01/9/2020, UBND huyện L giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện xác minh nội dung khiếu nại của ông B, bà L2. Sau khi rà soát hồ sơ và xác minh thực tế khu đất. Ngày 23/9/2020, Thanh tra huyện có nội dung báo cáo xác minh nội dung khiếu nại của ông B, bà L2, theo đó UBND huyện giải tỏa thu hồi 386,1m² đất thuộc một phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 165 thị trấn L không xem xét bồi thường nhà, vật kiến trúc và tái định cư cho hộ ông B là đúng quy định của UBND tỉnh. Ngày 30/9/2020, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại của ông B, bà L2 là đúng quy định của pháp luật. Sau khi ông B khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh. Thanh tra tỉnh yêu cầu xác minh lại nguồn gốc 386,1m² đất, kết quả thanh tra lại UBND thị trấn L khẳng định, toàn bộ đất bị thu hồi có nguồn gốc do Công ty cấp 3 quản lý. Năm 1994 Công ty giải thể, giao lại cho UBND thị trấn L quản lý. Năm

2008 UBND thị trấn L đã lập biên bản ông B, bà L2 về xây dựng trái phép và đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với hộ ông B, bà L2. Sau khi có báo cáo của thị trấn L về nguồn gốc đất, Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, theo đó bác yêu cầu khiếu nại của ông B về việc yêu cầu bồi thường về đất, nhà, vật kiến trúc, giao 01 lô đất tái định cư. U Đ1 khẳng định Việc ông B, bà L2 buộc UBND huyện L xem xét bồi thường 386,1m² đất trong đó có 300m² đất ở, bồi thường về nhà, vật kiến trúc, giao 01 lô đất ở là không có cơ sở.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Đối với yêu cầu bồi thường về đất: ông Ba bị thu hồi 386,1m² đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 165, đất công cộng do UBND thị trấn L quản lý. Ông B cho rằng gia đình ông sinh sống trên đất bị thu hồi từ năm 1989 nên đủ điều kiện áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014 /NĐ-CP. Tuy nhiên, theo hồ sơ cung cấp của UBND thị trấn L không có Giấy xác nhận của UBND thị trấn L về việc không có tranh chấp sử dụng đất. Việc UBND huyện L ban hành Quyết định 2074/QĐ-UBND không bồi thường về đất cho gia đình ông B là đúng quy định.

Đối với yêu cầu xem xét bồi thường về nhà, vật kiến trúc. Nhà của ông B ở có nguồn gốc do ông B ở tạm căn chòi tạm của Công ty cấp 3 để trông giữ xe từ năm 1989, năm 1994 sau khi Công ty giải thể, ông B ra phía trước tự xây nhà ở. Trong quá trình ông B sửa chữa, xây dựng UBND thị trấn L lập Biên bản vi phạm yêu cầu tháo dỡ, gia đình ông Ba K chấp hành. UBND thị trấn L quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng với hành vi tự ý xây dựng trên đất công do Nhà nước quản lý. Căn cứ khoản 2 Điều 16 quy định về bồi thường tái định cư ban hành kèm theo Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh. Việc UBND huyện L không bồi thường về nhà, vật kiến trúc cho gia đình ông B là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xem xét giao 01 lô đất tái định cư:

Ông Ba sử dụng đất công do Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận. UBND huyện không bồi thường về đất, không bồi thường về nhà, vật kiến trúc. Trên đất của ông Ba B1 thu hồi có nhà ở không được bồi thường và hiện nay không còn nhà ở đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn L. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 21 Quy định bồi thường theo Quyết định 52/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Như vậy, hộ ông B sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc không đủ điều kiện được bồi thường, nên UBND huyện L không xem xét tái định cư cho hộ ông B là đúng quy định.

Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 20; khoản 2 Điều 101, Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai; Điều 17b Quyết định 25/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh B, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trịnh Ngọc B về việc hủy:

- Toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Một phần Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L, cụ thể: tại Điều 1 (thiệt hại về đất) và Khoản 2 (nhà – vật kiến trúc) và Mục B2 (tái định cư);

- Toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L;

2. Buộc UBND huyện L thực hiện lại nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/6/2024, người bị kiện là UBND huyện L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người khởi kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người bị kiện trong hạn luật định đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bác kháng cáo của UBND huyện L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng của UBND huyện L làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của UBND huyện L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trịnh Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B; Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L, là quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Ngày 03/01/2024, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, ngày 01/02/2024, ông B khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông B là đúng thẩm quyền. Không đồng ý, ông B khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, không đồng ý ông B khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.3] Về nội dung: Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L thu hồi 386,1m² đất công cộng do UBND thị trấn L quản lý (ông B, bà L2 đang sử dụng) thuộc thửa 38 tờ bản đồ số 165 xã T, huyện L.

Đất có nguồn gốc, trước năm 1989, Công ty cấp 3 san lấp làm bãi giữ xe khu du lịch H. Năm 1989, ông B là bảo vệ của khu du lịch, được Công ty cho ở trên khu đất này, năm 1990, ông Ba C vợ con chuyển về đây sinh sống, kể từ đó gia đình ông B coi nơi thêm diện tích nhà tạm để ở. Năm 1994, Công ty cấp 3 giải thể, gia đình ông B vẫn sinh sống trên khu đất này. Năm 2006, do bão nên căn nhà tạm của gia đình ông Ba B1 tàn phá hết, Chính quyền địa phương có hỗ trợ cho gia đình ông B 8.000.000 đồng để làm lại nhà mới trên nền nhà cũ. Trong thời gian này khu đất được quy hoạch làm đền thờ Liệt sỹ nên UBND thị trấn L có lập biên bản về việc lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, sau khi lập biên bản, việc xây dựng đền thờ Liệt sỹ không sử dụng hết đất, nên chính quyền địa phương không có xử lý tiếp theo đối với gia đình ông B, bà L2. Ngày 30/4/2007, UBND thị trấn L có làm việc với gia đình ông B và lập biên bản yêu cầu gia đình ông B tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép và thu dọn toàn bộ cây ăn trái diện tích khoảng 450m² (15m x 29,9m). Ngày 21/02/2008, UBND thị trấn L tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính về việc ông B tự ý dựng hàng rào bằng tre và trồng cây ăn trái trên diện tích (21m x 14m), biên bản này gia đình ông Ba K ký. Trên cơ sở Biên bản vi phạm ngày 21/01/2008, ngày 23/01/2008, Chủ tịch UBND thị trấn L ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND đối với ông B về hành vi xây dựng trên đất lấn chiếm, diện tích là 294m², xử phạt ông B 400.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do vi phạm hành chính gây ra. Quyết định xử phạt này gia đình ông Ba K nhận được (UBND thị trấn L không có chứng cứ đã giao cho gia đình ông B). Như vậy, gia đình ông B sử dụng đất nêu trên từ năm 1990 trên cơ sở đất đã san lấp của Công ty cấp 3. Sau năm 1994, Công ty cấp

3 giải thể, gia đình ông B tiếp tục sử dụng cho đến nay chưa bị cơ quan chức năng xử lý, hiện nay không tranh chấp, sử dụng liên tục, ổn định.

UBND thị trấn L, UBND huyện L cho rằng, khu đất có nguồn gốc của Công ty cấp 3 đã chuyển giao cho Ban quản lý công trình công cộng. Tuy nhiên, theo hồ sơ do UBND thị trấn L và UBND huyện L cung cấp: Ngày 12/8/1992, UBND huyện L thông báo chỉ đạo sáp nhập Công ty Thương nghiệp (Công ty C1) vào Công ty T1. Ban quản lý công trình công cộng huyện L được thành lập theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 26/7/1993 không thể hiện sự chuyển giao của Công ty T1. Mặt khác, theo hồ sơ do UBND thị trấn L và UBND huyện L cung cấp, khu đất này theo Sổ mục kê năm 1997 do Ban quản lý công trình công cộng đăng ký sử dụng, Sổ mục kê năm 2006, UBND thị trấn L sử dụng. Ngoài ra, không có tài liệu nào của cơ quan có thẩm quyền giao đất cho Công ty cấp 3 quản lý, Công ty cấp 3 cũng không chuyển giao khu đất này cho Công ty Du lịch huyện T1 quản lý, Công ty Du lịch huyện T1 cũng không giao cho UBND thị trấn L quản lý như UBND huyện L trình bày, mãi đến năm 2019 UBND tỉnh mới có quyết định giao cho UBND thị trấn L quản lý 138m², trên tổng số gần 500m² gia đình ông B đang sử dụng. Việc UBND thị trấn L ghi vào sổ mục kê năm 1997 đất do Ban quản lý công trình công cộng đăng ký sử dụng, năm 2019 UBND tỉnh giao đất cho UBND thị trấn L quản lý khi gia đình ông B đang sử dụng là không đúng quy định của pháp luật. Năm 2023, sau khi Thanh tra tỉnh yêu cầu xác minh lại, UBND thị trấn L và UBND huyện L cũng không có tài liệu nào để chứng minh khu đất này do Công ty cấp 3 hoặc Công ty T1 quản lý, Nhưng UBND huyện L vẫn báo cáo khu đất này là đất công do UBND thị trấn L quản lý.

UBND huyện L cho rằng ông B sử dụng đất không ổn định là do ông sửa chữa, xây dựng nhà ở trên phần đất này địa phương có lập Biên bản vi phạm hành chính số 58/BB-VPHC ngày 16/6/2006, Biên bản làm việc ngày 04/9/2007 và ngày 26/12/2007, Biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị, Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC ngày 21/01/2008 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND thị trấn L về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông B.

Xét, các biên bản vi phạm hành chính chỉ là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt hành chính. Do vậy, đối với các Biên bản vi phạm hành chính số 58/BB-VPHC ngày 16/6/2006, Biên bản làm việc ngày 04/9/2007 và ngày 26/12/2007, Biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị cơ quan có thẩm quyền chưa xử phạt nên không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính. Đối với Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC ngày 21/01/2008 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND thị trấn L về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với hộ gia đình ông B. Nội dung Biên bản ghi nhận về hành vi dựng hàng rào và trồng cây ăn trái là măng cầu. Tuy nhiên, quyết định xử phạt về hành vi xây dựng trên đất lấn chiếm là không đúng với nội dung vi phạm mà Biên bản ghi nhận. Mặt khác, Quyết định này ông B cho rằng không nhận được và UBND thị trấn L không chứng minh được đã giao cho ông B hoặc gia đình ông B.

Trong khi đó, gia đình ông B đã sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 (thời điểm luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực), sử dụng đất trước thời điểm quy hoạch

mở đường, và không có tranh chấp. UBND thị trấn L cho rằng gia đình ông B lấn đất công, UBND thị trấn L đã lập Biên bản nên không xác nhận việc không có tranh chấp cho gia đình ông B và UBND huyện L cho rằng UBND thị trấn L không xác nhận đất không có tranh chấp để không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B và khi thu hồi không bồi thường về đất cho gia đình ông B là không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Về bồi thường nhà ở và tài sản trên đất:

Gia đình ông B đã dựng tạm nhà ở trên đất từ năm 1990, năm 2006 bão làm sập hết nhà, được chính quyền địa phương hỗ trợ, gia đình ông B làm lại căn nhà mới như hiện nay. Khi thu hồi đất UBND huyện L không bồi thường về nhà và tài sản có trên đất cho gia đình ông B là không đúng quy định của pháp luật. Khi giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện L cho rằng UBND huyện L ban hành Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 là đúng quy định của pháp luật và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020, bác yêu cầu khiếu nại của ông B là không đúng quy định của pháp luật.

Khi giải quyết khiếu nại lần hai Chủ tịch UBND tỉnh B đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh xác minh nội dung khiếu nại, Thanh tra tỉnh đã có báo cáo 468/BC- TTr.NV4 ngày 22/12/2021 xác định trường hợp đất của ông Ba bị thu hồi đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận, khi bị thu hồi đủ điều kiện được bồi thường. Tuy nhiên, năm 2023 Thanh tra tỉnh yêu cầu UBND huyện L bổ sung hồ sơ xác định đất công. UBND huyện L vẫn không bổ sung tài liệu nào khác ngoài sổ Mục kê năm 1997 và năm 2004 do biến động đất đai nên UBND thị trấn L quản lý. Ngày 24/11/2023, Thanh tra tỉnh lại có Báo cáo 613/BC-TTr.NV3 về rà soát giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Ngọc B, Theo đó UBND huyện L xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất của ông B là năm 1989, đất do Công ty cấp 3 san lấp để làm bãi đậu xe khu du lịch H. Thuộc phần đất Ban quản lý công trình công cộng đăng ký theo sổ Mục kê năm 1997. Năm 2004 do biến động đất đai nên UBND thị trấn L quản lý. Do vậy, khiếu nại của ông B là khiếu nại sai và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024. Theo đó, công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại 2932/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L về việc không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trịnh Ngọc B về yêu cầu: “*Xem xét bồi thường về đất; xem xét bồi thường nhà vật kiến trúc; xem xét xét giao 01 lô đất tái định cư*” là giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Do vậy, cần bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là UBND huyện L không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND huyện L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Căn cứ Điều 20; khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 75 Luật đất đai; Điều 17b Quyết định 25/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh B; khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trịnh Ngọc B về việc hủy:

- Toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2024, của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Một phần Quyết định 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện L, cụ thể: tại Điều 1 (thiệt hại về đất) và Khoản 2 (nhà – vật kiến trúc) và Mục B2 (tái định cư);

- Toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2932/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện L;

2.2. Buộc UBND huyện L thực hiện lại nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện L phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000546 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ